TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN PHÚ VANG** **TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 76/2018/QĐST-HNGĐ	*Phú Vang, ngày 25 tháng 6 năm 2018*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 61/2018/TLST/HNGĐ ngày 21 tháng 5 năm 2018, giữa:

Nguyên đơn: Anh Phan N, sinh năm 1977; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: đường T, thôn A, thị trấn T, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế.

Bị đơn: Chị Mai Thị T, sinh năm 1981; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn An Hải, thị trấn T, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế; chỗ ở hiện nay: 146 đường Tư Vinh, thôn Hải Tiến, thị trấn T, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213và Điều 397 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 57, 58,81, 82, 83 và 84 của Luật hôn nhân và gia đình; khoản 7 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 15 tháng 6 năm 2018.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 15 tháng 6 năm 2018 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Anh Phan N và chị Mai Thị T.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về con chung: Anh Phan N và chị Mai Thị T có 02 con chung là cháu Phan Thị Tường V, sinh ngày 16/7/2006 và Phan Thị Thảo U, sinh ngày 28/6/2008. Hiện nay cả hai cháu đang ở với anh Phan N.

Anh Phan N và chị Mai Thị T tự nguyện thỏa thuận: Giao cháu Phan Thị Tường V và Phan Thị Thảo U cho chị Mai Thị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến lúc các cháu trưởng thành (Đủ 18 tuổi), anh Phan N không phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Anh Phan N và chị Mai Thị T có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và tiền cấp dưỡng nuôi con.

- **Về tài sản chung**: Anh Phan N và chị Mai Thị T cùng xác nhận vợ không có tài sản gì chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết

- **Về nợ chung**: Anh Phan N và chị Mai Thị T cùng xác nhận vợ chồng không có nợ của ai và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- **Về án phí dân sự sơ thẩm**: Là 150.000 đồng. Anh Phan N phải chịu 75.000 đồng án phí ly hôn và chị Mai Thị T phải chịu 75.000 đồng án phí ly hôn nhưng anh Phan N và chị Mai Thị T tự nguyện thỏa thuận anh Phan N chịu toàn bộ án phí ly hôn là 150.000 đồng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2013/003881 ngày 21 tháng 5 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Vang, tỉnh Thừa Thiên Huế, anh Phan N được hoàn trả lại cho số tiền chênh lệch là 150.000 đồng.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, được bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung Luật thi hành án dân sự năm 2014, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự và Điều 7a, 7b Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi hành án dân sự năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND huyện Phú Vang;
- UBND thị trấn T
huyện P, tỉnh TT Huế;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

(đã ký)

Nguyễn Hương Lan